

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 11 (huyện Bảo Lạc)

Phần D.II - Kỹ năng lãnh đạo, quản lý

Ngày thi: 09/10/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Nông Thị Anh	7,50	Bảy phẩy năm	40	Trịnh Thị Huyền	8,00	Tám
2	Lê Minh Châu	7,50	Bảy phẩy năm	41	Mã Thị Kiều	7,75	Bảy phẩy bảy năm
3	Vi Xuân Chiều	7,75	Bảy phẩy bảy năm	42	Bé Thị Lan	8,00	Tám
4	Hoa Văn Chương	7,00	Bảy	43	Hà Thị Lệ	7,25	Bảy phẩy hai năm
5	Bé Văn Cừ	7,00	Bảy	44	Hoàng Văn Lèn	8,00	Tám
6	Nguyễn Thị Diên	7,50	Bảy phẩy năm	45	Nông Thúy Liễu	7,00	Bảy
7	Nông Văn Diệp	7,25	Bảy phẩy hai năm	46	Triệu Dùn Lụa	8,00	Tám
8	Lục Đức Doanh	7,50	Bảy phẩy năm	47	Lục Thị Lương	7,50	Bảy phẩy năm
9	Nông Bằng Du	8,00	Tám	48	Tô Thị Luyến	7,75	Bảy phẩy bảy năm
10	Hoàng Lương Dũng	7,25	Bảy phẩy hai năm	49	Điều Thị Mai	7,25	Bảy phẩy hai năm
11	Lê Thùy Dương	7,75	Bảy phẩy bảy năm	50	Tô Thị Mai	7,50	Bảy phẩy năm
12	Nông Thị Duyên	7,00	Bảy	51	Nguyễn Thị Mạnh	8,00	Tám
13	Tô Thị Đào	8,00	Tám	52	Hoàng Thị Minh	8,00	Tám
14	Nguyễn Duy Đạo	7,50	Bảy phẩy năm	53	Đoàn Thị Mùi	7,75	Bảy phẩy bảy năm
15	Hoàng Quốc Đạt	7,00	Bảy	54	Hoàng Thị Nga	7,75	Bảy phẩy bảy năm
16	Nguyễn Thúy Diệp	7,75	Bảy phẩy bảy năm	55	Ma Văn Ngoạt	7,00	Bảy
17	Lương Văn Đồng	7,25	Bảy phẩy hai năm	56	Tô Thị Nguyệt	7,00	Bảy
18	Hoàng Quyết Được	7,00	Bảy	57	Lãnh Thị Nhám	7,50	Bảy phẩy năm
19	Mê Thị Hạnh		Thôi học	58	Nông Hồng Như	8,00	Tám
20	Đinh Thị Hậu	7,50	Bảy phẩy năm	59	Tô Hồng Nhung	8,00	Tám
21	Nông Thị Hiền	7,50	Bảy phẩy năm	60	Lý Hồng Quang	8,00	Tám
22	Linh Thị Hiền	8,00	Tám	61	Lãnh Văn Quanh	7,00	Bảy
23	Điều Thị Hiền	7,50	Bảy phẩy năm	62	Nông Phúc Sơn	7,50	Bảy phẩy năm
24	Lục Văn Hiệp	7,00	Bảy	63	Trương Thị Thân	7,00	Bảy
25	Nguyễn Thị Hiếu	7,25	Bảy phẩy hai năm	64	Hoàng Văn Thêm	7,00	Bảy
26	Lục Văn Hoan	8,00	Tám	65	Vàng Thị Thia	7,50	Bảy phẩy năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
27	Tô Văn Hoàng	8,00	Tám	66	Lưu Hồng Thúy	8,00	Tám
28	Ma Văn Hội	7,50	Bảy phẩy năm	67	Lê Thị Thùy		<i>Không đủ dk</i>
29	Trịnh Thu Huệ	7,50	Bảy phẩy năm	68	Nguyễn Thị Hồng Thuyên	7,00	Bảy
30	Nông Thị Minh Huệ	8,00	Tám	69	Triệu Quốc Trịnh	7,00	Bảy
31	Hoàng Thị Kim Huệ	7,75	Bảy phẩy bảy năm	70	Hoàng Gia Tụ	7,00	Bảy
32	Nguyễn Thị Minh Huệ	7,75	Bảy phẩy bảy năm	71	Lục Thanh Tuyền	7,00	Bảy
33	Nông Thanh Hương	7,75	Bảy phẩy bảy năm	72	Phạm Hà Vân	8,00	Tám
34	Cao Thị Thanh Hương	7,50	Bảy phẩy năm	73	Mông Thị Hồng Vân	7,75	Bảy phẩy bảy năm
35	Nguyễn Thu Hương		<i>Bỏ thi</i>	74	Công Thị Vê	7,00	Bảy
36	Nguyễn Thị Hương	7,75	Bảy phẩy bảy năm	75	Lý Thị Xoan	7,00	Bảy
37	Phạm Thị Thu Hương	7,50	Bảy phẩy năm	76	Điều Văn Xuyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm
38	Dương Thị Huyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	77	Phùng Văn Tập (K05)	7,00	Bảy
39	Hoàng Long Huyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm				

Điểm 7,00: 19 điểm; Điểm 7,25: 06 điểm; Điểm 7,50: 17 điểm; Điểm 7,75: 15 điểm; Điểm 8,00: 17 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG



Triệu Văn Lượng



Đoàn Thị Vân Thúy



Trịnh Thị Ánh Hoa